

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH NINH BÌNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **36** /2016/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 14 tháng 12 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình, nhiệm kỳ 2016-2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**  
**KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Xét đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 71/TTr-HĐND ngày 05/12/2016 về Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình, nhiệm kỳ 2016-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình, nhiệm kỳ 2016-2021.

**Điều 2.** Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 14/12/2016, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017.

**Điều 3.** Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 4.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Đài PT&TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Tên Hồng Quảng**

## **QUY ĐỊNH**

**Một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Ninh Bình, nhiệm kỳ 2016-2021**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...**36**../2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chế độ chi hoạt động tiếp xúc cử tri; hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra; công tác phí, hoạt động phí; phục vụ các kỳ họp; hội thảo, hội nghị chuyên đề; công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác định kỳ, hàng năm, nhiệm kỳ; hoạt động của tổ đại biểu; phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp tổ trưởng, tổ phó tổ đại biểu; tiếp công dân; chính sách thăm hỏi, trợ cấp; hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân.

###### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân, các tổ chức, đại biểu được mời tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

##### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

Việc thực hiện chế độ, chính sách, các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được lập trong dự toán của từng cấp ngân sách, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đúng chế độ, định mức, đối tượng theo Quy định này. Kinh phí hoạt động phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

### **Chương II**

#### **MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TỈNH NINH BÌNH**

##### **Điều 3. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri**

1. Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri để trang trải các chi phí cần thiết như trang trí, thuê hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác, mức tối đa:

a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/điểm/lần tiếp xúc;

b) Cấp huyện: 1.000.000 đồng/điểm/lần tiếp xúc;

c) Cấp xã: 500.000 đồng/điểm/lần tiếp xúc.

2. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;

b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;

c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trình tại kỳ họp, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/báo cáo;

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo;

c) Cấp xã: 100.000 đồng/báo cáo.

Nếu tổ chức tiếp xúc cử tri vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ mức chi tại khoản 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

#### **Điều 4. Chi cho hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra**

1. Trưởng đoàn, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;

b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;

c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Thành phần tham gia, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; \_\_\_\_\_

b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;

c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Xây dựng kế hoạch, báo cáo tổng hợp kết quả giám sát, khảo sát, thẩm tra, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

4. Thuê tư vấn về kỹ thuật, chuyên gia nghiên cứu, cho ý kiến vào các đề án, chuyên đề, kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng các vụ việc trước và sau khi giám sát (nếu cần) đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh mức chi tối đa: 300.000 đồng/một lần thuê/đề án. Đối với những nội dung trưng cầu tư vấn chuyên sâu, áp dụng quy định hiện hành.

Nếu tổ chức giám sát, khảo sát, thẩm tra vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 1, 2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ mức chi tại khoản 1, 2 Điều này tăng gấp 3 lần.

## **Điều 5. Chi hỗ trợ đối với đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động, mức tối đa:

- a) Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/người/năm;
- b) Cấp huyện: 700.000 đồng/người/năm;
- c) Cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

2. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 02 bộ lễ phục (đại biểu dân cử ở nhiều cấp được hưởng hỗ trợ ở cấp cao nhất). Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, căn cứ vào tình hình cụ thể, khả năng ngân sách địa phương để xem xét, quyết định mức cho phù hợp nhưng tối đa không quá 5.000.000 đồng/bộ.

3. Mỗi nhiệm kỳ Hội đồng dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được trang bị một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng... với mức tối đa không quá 15.000.000 đồng (trừ những đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đã được ngân sách nhà nước cấp trang bị trong nhiệm kỳ).

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp báo chí và thông tin cần thiết khác phục vụ cho hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân. Việc cung cấp báo chí và thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp nào do Thường trực Hội đồng nhân dân cấp đó căn cứ tình hình thực tiễn quyết định.

## **Điều 6. Chế độ công tác phí, hoạt động phí**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cử đi công tác cho hoạt động Hội đồng nhân dân thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành (do Hội đồng nhân dân nơi đại biểu hoạt động chi trả từ ngân sách nhà nước).

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách đang làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 103 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

3. Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

- a) Cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày;
- b) Cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;
- c) Cấp xã: 0,1 mức lương cơ sở/ngày.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

- a) Cấp tỉnh: 0,5 mức lương cơ sở/tháng;
- b) Cấp huyện: 0,4 mức lương cơ sở/tháng;

c) Cấp xã: 0,3 mức lương cơ sở/tháng.

## **Điều 7. Chế độ thăm hỏi, trợ cấp**

1. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm, mức chi tối đa:

a) Chi thăm hỏi ốm đau, nếu phải nằm viện:

Cấp tỉnh: 500.000 đồng/lần;

Cấp huyện: 300.000 đồng/lần;

Cấp xã: 200.000 đồng/lần.

b) Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (theo danh mục của Bộ Y tế) thì mức chi trợ cấp không quá 2 lần/người/năm, mức chi:

Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/lần;

Cấp huyện: 1.000.000 đồng/lần;

Cấp xã: 500.000 đồng/lần.

c) Trường hợp bị bệnh đặc biệt hiểm nghèo do Thường trực HĐND các cấp quyết định.

d) Thăm viếng đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm qua đời:

Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/đại biểu;

Cấp huyện: 2.000.000 đồng/đại biểu;

Cấp xã: 1.000.000 đồng/đại biểu.

e) Chi thăm viếng tư thân phụ mẫu của đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm khi qua đời:

Cấp tỉnh: 600.000 đồng/lần;

Cấp huyện: 400.000 đồng/lần;

Cấp xã: 300.000 đồng/lần.

2. Chi thăm hỏi ốm đau, thăm viếng đại biểu nguyên là Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân:

a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/lần;

b) Cấp huyện: 300.000 đồng/lần;

c) Cấp xã: 200.000 đồng/lần.

3. Đoàn của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức thăm hỏi nhân dịp lễ, tết, các ngày truyền thống và trong các đợt đi khảo sát về đời sống sinh hoạt xã hội như thăm viếng và tặng quà cho các đối tượng chính sách. Đối tượng được thăm hỏi do cấp cơ sở đề xuất, số lượng và giá trị quà tặng do Trưởng Đoàn quyết định. Mức chi quà tặng cho mỗi lần thăm hỏi được quy định tối đa như sau:

a) Tặng quà cho tập thể: 2.000.000 đồng/lần;

b) Tặng quà cho cá nhân: 500.000 đồng/lần.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm từ trần mà người lo mai táng không được hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ bảo hiểm xã hội thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ nguồn ngân sách địa phương.

#### **Điều 8. Chi phục vụ các kỳ họp của Hội đồng nhân dân**

1. Bồi dưỡng kỳ họp Hội đồng nhân dân, mức chi tối đa:

a) Chủ toạ kỳ họp:

Cấp tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày;

Cấp huyện: 150.000 đồng/người/ngày;

Cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày.

b) Thư ký kỳ họp:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;

Cấp xã: 70.000 đồng/người/ngày.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu mời dự họp:

Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày;

Cấp huyện: 100.000 đồng/người/ngày;

Cấp xã: 50.000 đồng/người/ngày.

2. Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân nghiên cứu tài liệu kỳ họp, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/nghị quyết;

b) Cấp huyện: 50.000 đồng/người/ nghị quyết;

c) Cấp xã: 30.000 đồng/người/ nghị quyết.

3. Chi cho việc chuẩn bị nội dung cần tập trung thảo luận tại kỳ họp; báo cáo tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân; báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; báo cáo hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân trình tại kỳ họp; báo cáo kết quả kỳ họp, báo cáo rút kinh nghiệm kỳ họp; biên bản kỳ họp, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;

c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

4. Xây dựng báo cáo chuyên đề, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết không có tính chất quy phạm pháp luật của Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp trình kỳ họp, mức chi tối đa:

a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/bộ văn bản;

b) Cấp huyện: 200.000 đồng/bộ văn bản;

c) Cấp xã: 100.000 đồng/bộ văn bản.

5. Chi rà soát, tổng hợp ý kiến tại kỳ họp để hoàn chỉnh nghị quyết trình kỳ họp thông qua, mức chi tối đa:

- a) Cấp tỉnh: 200.000 đồng/ng nghị quyết;
- b) Cấp huyện: 100.000 đồng/ng nghị quyết;
- c) Cấp xã: 50.000 đồng/ng nghị quyết.

Nếu tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 1 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ mức chi tại khoản 1 Điều này tăng gấp 3 lần.

6. Chi phục vụ kỳ họp tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân các cấp giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ vào tình hình thực tế và các quy định hiện hành của Nhà nước để quyết định cho phù hợp trên tinh thần tiết kiệm.

**Điều 9. Chi hội thảo chuyên đề và các buổi làm việc phục vụ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân**

- 1. Người chủ trì, mức chi tối đa:
  - a) Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
  - b) Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi;
  - c) Cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.
- 2. Thành phần tham gia, mức chi tối đa:
  - a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
  - b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi;
  - c) Cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.
- 3. Viết bài tham luận tại các Hội thảo, mức chi:
  - a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;
  - b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
  - c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

Nếu tổ chức hội thảo chuyên đề và các buổi làm việc phục vụ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân vào ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật) thì mức chi tại khoản 1,2 Điều này tăng gấp 2 lần; tổ chức vào ngày lễ mức chi tại khoản 1,2 Điều này tăng gấp 3 lần.

**Điều 10. Chi công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác định kỳ, hàng năm, nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân**

1. Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác định kỳ, hàng năm, nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân mức chi:

- a) Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 200.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 100.000 đồng/văn bản.

**Điều 11. Chi cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời tham dự họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi tối đa:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi;
- b) Cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi.

2. Xây dựng báo cáo kết quả cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, mức chi tối đa:

- a) Cấp tỉnh: 100.000 đồng/báo cáo;
- b) Cấp huyện 70.000 đồng/báo cáo.

**Điều 12. Phụ cấp kiêm nhiệm, phụ cấp Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp**

**1. Phụ cấp kiêm nhiệm**

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang giữ chức vụ ở các cơ quan khác kiêm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng các ban của Hội đồng nhân dân được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.

b) Lãnh đạo các ban của HĐND cấp xã được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm hàng tháng tính theo mức lương cơ sở như sau:

Trưởng ban của HĐND cấp xã: 0,2.

Phó Trưởng ban của HĐND cấp xã: 0,1.

**2. Phụ cấp Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp**

a) Mức phụ cấp hàng tháng tính theo mức lương cơ sở cho Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp như sau:

Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,3;

Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,2.

b) Mức phụ cấp hàng tháng cho Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được tính bằng 60% so với mức phụ cấp của Tổ trưởng tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm của các chức danh quy định tại khoản 1,2 Điều này do các cơ quan, đơn vị nơi cán bộ kiêm nhiệm đó đang làm việc chi trả cùng với

tiền lương hàng tháng, từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.  
Đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước:

a) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh chi trả.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện chi trả.

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách xã chi trả.

### **Điều 13. Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân**

Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân thực hiện theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 17/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân của tỉnh, cấp huyện, cấp xã và tại trụ sở cơ quan các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Ninh Bình.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 14. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí hoạt động hằng năm của Hội đồng nhân dân cấp nào được ngân sách cấp đó đảm bảo.

#### **Điều 15. Sửa đổi, bổ sung**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. *ll*

**CHỦ TỊCH**



*[Signature]*  
**Trần Hồng Quảng**